

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
và báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 41

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, số Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một (1) chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một (1) chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Văn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Dành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Trần Thiện Thể	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Chang Ya Wen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Wu Jin Tang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Thị Hồng Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thiện Thể	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 1999

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thiện Thể, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trần Thiện Thế
Tổng Giám Đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 60859557/16482053

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Đệ Nhất ("Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 4 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1



Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1103-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		446.526.709.183	405.884.456.550
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	292.736.515.856	242.966.419.901
111	1. Tiền		106.736.515.856	83.237.190.542
112	2. Các khoản tương đương tiền		186.000.000.000	159.729.229.359
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		59.993.057.414	65.044.639.730
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	69.766.884.179	84.820.690.450
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(9.773.826.765)	(19.776.050.720)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	92.837.359.455	95.184.901.332
131	1. Phải thu khách hàng		30.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		360.866.000	3.360.866.000
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		10.575.808.598	8.970.448.085
138	4. Các khoản phải thu khác	8.1	87.467.099.575	88.619.436.751
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8.2	(5.596.414.718)	(5.765.849.504)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		959.776.458	2.688.495.587
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		800.771.898	592.448.156
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	19.1	-	1.937.042.871
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		159.004.560	159.004.560
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		83.918.597.504	71.521.115.181
220	I. Tài sản cố định		9.634.109.833	12.392.971.053
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.857.068.779	10.167.547.387
222	- Nguyên giá		23.763.188.936	24.619.041.997
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.906.120.157)	(14.451.494.610)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	777.041.054	2.225.423.666
228	- Nguyên giá		7.241.913.031	7.241.913.031
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.464.871.977)	(5.016.489.365)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		67.484.534.600	53.261.004.600
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		15.000.000.000	-
255	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	15.000.000.000	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác	6.3	52.484.534.600	53.261.004.600
260	III. Tài sản dài hạn khác		6.799.953.071	5.867.139.528
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	85.485.849
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	6.499.953.071	5.781.653.679
268	3. Tài sản dài hạn khác		300.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		530.445.306.687	477.405.571.731

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		197.833.995.837	146.016.227.785
310	I. Nợ ngắn hạn		195.833.995.837	144.016.227.785
312	1. Phải trả người bán		131.130.000	121.130.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.723.582.890	115.562.428
315	3. Phải trả người lao động		468.715.596	427.189.943
320	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	101.647.166.770	63.784.508.243
321	5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		45.816	51.736
322	6. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		206.642.920	203.485.442
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.416.871.842	2.796.445.710
328	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	84.239.840.003	76.567.854.283
330	II. Nợ dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
339	1. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		2.000.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		332.611.310.850	331.389.343.946
410	I. Vốn chủ sở hữu		332.611.310.850	331.389.343.946
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		924.317.200	924.317.200
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.149.732.553	7.508.106.422
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		8.865.053.214	7.219.927.083
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		13.672.207.883	15.736.993.241
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		530.445.306.687	477.405.571.731

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
002	1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	57.546.000.000	62.046.000.000
005	2. Ngoại tệ các loại	30.741.930	30.348.270
006	3. Chứng khoán lưu ký	1.091.307.440.000	1.243.120.060.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	3.1. <i>Chứng khoán giao dịch</i>	<i>1.003.845.370.000</i>	<i>1.128.328.150.000</i>
008	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	31.567.630.000	43.242.550.000
009	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	844.221.970.000	947.663.640.000
010	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	128.055.770.000	137.421.960.000
012	3.2. <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	<i>11.935.160.000</i>	<i>24.018.640.000</i>
014	3.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	11.935.160.000	24.018.640.000
017	3.3. <i>Chứng khoán cầm cố</i>	<i>48.644.170.000</i>	<i>48.157.910.000</i>
019	3.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	48.644.170.000	48.157.910.000
027	3.4. <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	<i>23.716.100.000</i>	<i>42.549.200.000</i>
028	3.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	985.000.000	245.200.000
029	3.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	16.882.100.000	40.213.000.000
030	3.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	5.849.000.000	2.091.000.000
037	3.5. <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	<i>3.166.640.000</i>	<i>66.160.000</i>
038	3.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	40.000	-
039	3.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	2.971.130.000	66.160.000
040	3.5.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	195.470.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

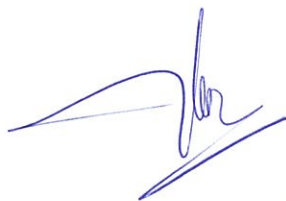
VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
050	4. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	124.902.520.000	107.319.970.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	4.1. Chứng khoán giao dịch	116.749.520.000	99.130.970.000
052	4.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	7.184.750.000	6.469.350.000
053	4.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	92.169.100.000	75.635.890.000
054	4.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	17.395.670.000	17.025.730.000
056	4.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	70.000.000	70.000.000
058	4.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	70.000.000	70.000.000
061	4.3. Chứng khoán cầm cố	5.230.000.000	5.240.000.000
063	4.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	5.230.000.000	5.240.000.000
066	4.4. Chứng khoán tạm giữ	2.853.000.000	-
068	4.4.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	2.853.000.000	-
071	4.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	26.000.000
073	4.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	26.000.000
076	4.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	2.853.000.000
078	4.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	-	2.853.000.000

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ



Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu		49.639.978.210	55.418.910.827
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		12.717.047.072	12.768.033.489
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		14.521.180.071	18.126.890.480
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		300.000.000	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		180.000.000	351.630.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		311.057.391	9.000.000
01.9	Doanh thu khác	16	21.610.693.676	24.163.356.858
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		49.639.978.210	55.418.910.827
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	(7.668.910.796)	(11.953.513.260)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		41.971.067.414	43.465.397.567
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(3.322.378.080)	(8.602.202.759)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.648.689.334	34.863.194.808
31	8. Thu nhập khác		805.242.260	-
32	9. Chi phí khác		(484.871.359)	-
40	10. Lợi nhuận khác		320.370.901	-
50	11. Tổng lợi nhuận trước thuế		38.969.060.235	34.863.194.808
51	12. Thuế TNDN hiện hành	19.1	(6.098.467.199)	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		32.870.593.036	34.863.194.808
70	14. Lãi trên cổ phiếu	15.2	1.096	1.162

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:







Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		38.969.060.235	34.863.194.808
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ		2.252.992.909	2.717.279.598
03	- Các khoản dự phòng		(12.829.324.218)	(8.546.987.499)
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(24.799.991.504)	(36.593.539.848)
08	3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.592.737.422	(7.560.052.941)
09	- Giảm các khoản phải thu		1.775.080.309	1.180.988.372
10	- Giảm/(tăng) đầu tư ngắn hạn		8.053.806.271	(35.033.508.199)
11	- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		31.035.917.592	26.865.447.400
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(101.840.941)	1.865.557
15	- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		3.000.000.000	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.046.499.392)	(7.200.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		46.309.201.261	(14.552.459.811)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.000.000.000)	(35.667.500)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.100.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.360.894.694	35.299.464.129
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.460.894.694	35.263.796.629

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20	(15.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.000.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		42.770.095.955	20.711.336.818
60	Tiền và các khoản tương đương đầu năm		242.966.419.901	151.255.083.083
70	Tiền và các khoản tương đương cuối năm	4	285.736.515.856	171.966.419.901

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:





Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B05-CTCK

VNĐ

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng (giảm)				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	924.317.200	924.317.200	-	-	-	-	924.317.200	924.317.200
3. Quỹ đầu tư phát triển	5.764.946.682	7.508.106.422	1.743.159.740	-	1.645.126.131	(3.500.000)	7.508.106.422	9.149.732.553
4. Quỹ dự phòng tài chính	5.476.767.343	7.219.927.083	1.743.159.740	-	1.645.126.131	-	7.219.927.083	8.865.053.214
5. Lợi nhuận (lỗ lũy kế) chưa phân phối	(13.896.722.347)	15.736.993.241	34.863.194.808	(5.229.479.220)	32.870.593.036	(34.935.378.394)	15.736.993.241	13.672.207.883
TỔNG CỘNG	298.269.308.878	331.389.343.946	38.349.514.288	(5.229.479.220)	36.160.845.298	(34.938.878.394)	331.389.343.946	332.611.310.850

Người lập:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ



Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, và sổ Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 08 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 55 người (31 tháng 12 năm 2012: 57 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc công bố và ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc công bố và ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc công bố và ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc công bố và ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc công bố và ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới một 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định hữu hình vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình. Các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm tin học	3 - 15 năm

3.6 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ hai (2) đến mười hai (12) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.8 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.8.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.8.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- ▶ Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- ▶ Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- ▶ Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.3.8.3.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

3.9.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo hướng dẫn của Thông tư số 100/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.9.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết khác thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu 3 công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.9.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.11.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.11.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân có loại trừ dự phòng đã trích lập của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.14 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn đầu tư tự doanh.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	631.841.435	881.440.907
Tiền gửi ngân hàng	105.893.581.501	82.132.010.695
Trong đó:		
- Tiền gửi của công ty	4.246.414.731	18.363.305.950
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	101.647.166.770	63.768.704.745
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	211.092.920	207.935.442
Tiền ủy thác đầu tư	-	15.803.498
	106.736.515.856	83.237.190.542
Các khoản tương đương tiền	186.000.000.000	159.729.229.359
Tổng cộng	292.736.515.856	242.966.419.901

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 13 tháng với lãi suất được hưởng từ 6% - 7%/năm. Theo điều khoản hợp đồng, Công ty có thể rút các khoản tiền gửi trên trước hạn với lãi suất không kỳ hạn.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương bao gồm các khoản sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền	106.736.515.856	83.237.190.542
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	179.000.000.000	88.729.229.359
Tổng cộng	285.736.515.856	171.966.419.901

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm cổ phiếu	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VNĐ
Của Công ty		
- Cổ phiếu	5.245.718	91.688.462.000
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	502.056.220	6.394.454.048.400
Tổng cộng	507.301.938	6.486.142.510.400

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.973.738	69.766.884.179	3.647.823.206	(9.773.826.765)	63.640.880.620
- Cổ phiếu niêm yết	3.255.263	61.500.376.609	3.647.801.706	(6.098.092.915)	59.050.085.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	718.475	8.266.507.570	21.500	(3.675.733.850)	4.590.795.220
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.422.186	67.484.534.600	-	-	67.484.534.600
- Đầu tư chứng khoán dài hạn	30	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.422.156	52.484.534.600	-	-	52.484.534.600
- Đầu tư dài hạn khác					
Tổng cộng	8.395.924	137.251.418.779	3.647.823.206	(9.773.826.765)	131.125.415.220

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)		So với giá thị trường (VNĐ)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	Tăng	Giảm	31/12/2013	31/12/2012
Cổ phiếu niêm yết	3.255.263	4.348.762	61.500.376.609	77.234.847.440	3.647.801.706	2.165.639.570	(6.098.092.915)	(17.184.902.650)
Công ty Khoáng sản và Xây Dựng BD (KSB)	784.001	690.747	21.001.888.900	19.188.671.480	-	-	(4.302.667.600)	(6.340.777.280)
Công ty CP Gạch ngói Cao cấp M&C (MCC)	708.102	706.402	10.402.122.600	10.381.172.600	573.458.400	-	-	(1.763.068.200)
Công ty CP Bê tông Becamex (ACC)	393.003	430.003	8.350.332.700	9.007.029.700	2.064.246.800	2.044.047.400	-	-
Cty CP Xây dựng và Giao thông BD (BCE)	448.002	423.215	4.669.346.095	4.469.055.145	-	-	(637.328.095)	(998.692.145)
Công ty CP Đá núi nhỏ (NNC)	84.000	166.180	3.204.449.440	6.339.452.080	827.550.560	-	-	(390.208.080)
Cty CP Xi măng Hà Tiên 1 (HT1)	375.000	741.908	2.894.440.060	5.726.275.750	-	-	(1.019.440.060)	(2.684.452.950)
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (DPM)	66.500	136.000	2.723.896.830	4.820.476.830	35.853.170	48.323.170	-	-
Công ty CP Cao su Đà Nẵng (DRC)	65.003	22.300	2.496.199.330	560.365.360	38.917.670	-	-	-
Cty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	86.034	-	1.805.512.820	-	-	-	(41.815.820)	-
Công ty CP Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (PET)	89.000	195.001	1.768.219.960	2.880.433.410	82.980.040	-	-	(442.920.910)
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	26.002	-	701.650.140	-	-	-	(4.796.540)	-
Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ)	14.001	-	429.879.140	-	-	-	(1.448.540)	-
Công ty CP cơ điện lạnh (REE)	9.033	94.008	265.343.590	1.575.615.860	2.033.210	-	(15.083.060)	-
Cty CP Đại Châu (DCS)	60.006	-	251.123.275	-	-	-	(17.099.875)	-
Cty CP Đừ & XD Sao Mai tỉnh An Giang (ASM)	27.000	-	228.490.000	-	-	-	(44.890.000)	-
Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhất (JVC)	10.000	-	175.705.080	-	7.294.920	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết khác	10.576	742.998	131.776.649	12.286.299.225	15.466.936	73.269.000	(28.606.385)	(4.549.700.025)
Cổ phiếu chưa niêm yết	718.475	646.948	8.266.507.570	7.585.843.010	21.500	7.500	(3.675.733.850)	(2.591.148.070)
Công ty CP Khoáng sản Becamex (BMJ)	327.813	320.713	3.802.002.300	3.744.922.300	-	-	(1.540.092.600)	(601.934.900)
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex UDJ	298.500	234.300	2.599.317.700	1.977.287.200	-	-	(271.017.700)	(126.317.200)
Công ty CP Nước giải khát Sài Gòn	50.308	50.308	972.722.380	972.722.380	-	-	(972.722.380)	-
Công ty CP Bông Bạch Tuyết	41.400	41.400	888.030.160	888.030.160	-	-	(888.030.160)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	454	227	4.435.030	2.880.970	21.500	7.500	(3.871.010)	(2.143.430)
Tổng cộng	3.973.738	4.995.710	69.766.884.179	84.820.690.450	3.647.823.206	2.165.647.070	(9.773.826.765)	(19.776.050.720)
							63.640.880.620	67.210.286.800

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (trái phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	30	-	15.000.000.000	-

Trái phiếu có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2013, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi trả định kỳ 6 tháng và gốc trả vào ngày đáo hạn, lãi suất hiện tại là 10,5%.

6.3 Đầu tư dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	1.380.000	880.000	13.800.000.000	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Bình Dương	1.049.857	1.579.857	11.441.814.000	17.218.284.000
Công ty Cổ phần Bọt mì Bình An	533.333	533.333	7.920.000.000	7.920.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương	367.000	367.000	5.481.420.600	5.481.420.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	213.465	200.000	4.520.000.000	4.520.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	181.900	181.900	3.273.100.000	3.273.100.000
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	200.000	200.000	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	300.001	300.001	1.701.660.000	1.701.660.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	100.000	100.000	1.160.000.000	1.160.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	85.400	85.400	862.540.000	862.540.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	11.200	11.200	224.000.000	224.000.000
Tổng cộng	4.422.156	4.438.691	52.484.534.600	53.261.004.600

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đầu tư ngắn hạn		
- Cổ phiếu niêm yết	6.098.092.915	17.184.902.650
- Cổ phiếu chưa niêm yết	3.675.733.850	2.591.148.070
Tổng cộng	9.773.826.765	19.776.050.720

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá:

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Dự phòng giảm giá đầu năm	19.776.050.720	28.001.254.280
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.002.223.955)	(8.225.203.560)
Dự phòng giảm giá cuối năm	9.773.826.765	19.776.050.720

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

8.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	31/12/2012			Số phát sinh trong năm			31/12/2013			VNĐ
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng	
1. Phải thu khách hàng										
- Phải thu phí tư vấn	-	-	-	460.000.000	430.000.000	30.000.000	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	3.360.866.000	-	-	-	3.000.000.000	360.866.000	-	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán										
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	8.970.448.085	-	-	901.716.855.887	900.111.495.374	10.575.808.598	-	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	88.619.436.751	-	5.765.849.504	89.678.872.599	90.831.209.775	87.467.099.575	-	5.596.414.718	5.596.414.718	
- Tài trợ giao dịch chứng khoán	12.995.867.423	-	820.978.257	60.056.715.998	54.982.867.423	18.069.715.998	-	776.856.307	776.856.307	
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh	69.181.438.087	-	-	2.709.784.288	8.291.118.811	63.600.103.564	-	-	-	
- Phải thu nhân viên	4.944.871.247	-	4.944.871.247	-	125.312.836	4.819.558.411	-	4.819.558.411	4.819.558.411	
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.294.075.719	-	-	2.675.309.599	3.074.871.430	894.513.888	-	-	-	
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	203.184.275	-	-	24.237.062.714	24.357.039.275	83.207.714	-	-	-	
Tổng cộng	100.950.750.836	-	5.765.849.504	991.855.728.486	994.372.705.149	98.433.774.173	-	5.596.414.718	5.596.414.718	

Bao gồm trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh là các khoản sau:

- Các chứng khoán với giá trị 57.546 triệu đồng mà Công ty đã tiến hành đầu tư theo ủy quyền của một tổ chức kinh tế.
- Số tiền còn lại sau khi cần trừ các khoản tiền chuyển vào và đã nhận lại của Công ty trong kỳ theo các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán với các tổ chức kinh tế. Theo các hợp đồng này, Công ty được ủy quyền toàn bộ trong việc thực hiện các giao dịch gồm: quyết định mua, bán chứng khoán, nộp tiền, rút tiền vào tài khoản giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

8.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Số dư đầu năm	5.765.849.504	6.087.633.443
Hoàn nhập trong năm	(169.434.786)	(321.783.939)
Số dư cuối năm	5.596.414.718	5.765.849.504

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	12.860.482.059	8.182.501.216	2.880.200.925	695.857.797	24.619.041.997
Thanh lý, nhượng bán	(727.307.059)	-	-	-	(727.307.059)
Giảm khác	-	(128.546.002)	-	-	(128.546.002)
Số dư cuối năm	12.133.175.000	8.053.955.214	2.880.200.925	695.857.797	23.763.188.936
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	3.305.715.963	8.028.536.377	2.453.529.431	663.712.839	14.451.494.610
Khấu hao tăng trong năm	494.904.432	88.161.048	189.399.859	32.144.958	804.610.297
Thanh lý, nhượng bán	(242.435.700)	-	-	-	(242.435.700)
Giảm khác	-	(107.549.050)	-	-	(107.549.050)
Số dư cuối năm	3.558.184.695	8.009.148.375	2.642.929.290	695.857.797	14.906.120.157
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	9.554.766.096	153.964.839	426.671.494	32.144.958	10.167.547.387
Tại ngày cuối năm	8.574.990.305	44.806.839	237.271.635	-	8.857.068.779

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 11.049 triệu đồng.

Giảm khác là các khoản được điều chỉnh giảm hoặc kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ trong thời hạn tối đa 12 tháng do các tài sản này có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng và không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm tin học
VNĐ

Nguyên giá

Số dư đầu năm	7.241.913.031
Số dư cuối năm	7.241.913.031

Hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	5.016.489.365
Hao mòn trong năm	1.448.382.612
Số dư cuối năm	6.464.871.977

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	2.225.423.666
Tại ngày cuối năm	777.041.054

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.727.989.593	5.025.454.561
Lãi nhận được	651.963.478	636.199.118
	6.499.953.071	5.781.653.679

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm VNĐ	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm VNĐ
		Số phải nộp VNĐ	Số đã nộp VNĐ	
Thuế TNDN (Thuyết minh số 19.1)	(1.937.042.871)	6.098.467.199	-	4.161.424.328
Thuế TNCN của nhà đầu tư	84.897.078	3.566.839.844	(3.154.936.753)	496.800.169
Thuế TNCN của nhân viên	7.041.720	321.098.898	(321.381.714)	6.758.904
Thuế giá trị gia tăng	23.623.630	562.622.343	(527.646.484)	58.599.489
	(1.821.480.443)	10.549.028.284	(4.003.964.951)	4.723.582.890
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(1.937.042.871)			-
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	115.562.428			4.723.582.890
Tổng cộng	(1.821.480.443)			4.723.582.890

13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	101.647.166.770	63.768.704.745
Phải trả cho người ủy thác đầu tư	-	15.803.498
Tổng cộng	101.647.166.770	63.784.508.243

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các hợp đồng hợp tác kinh doanh	67.546.000.000	74.102.077.500
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 20)	15.000.000.000	-
Phải trả hộ cổ tức	1.074.844.397	1.778.190.877
Kinh phí công đoàn	254.131.641	224.081.113
Phải trả phải nộp khác	364.863.965	463.504.793
Tổng cộng	84.239.840.003	76.567.854.283

Phải trả theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh là các khoản phải trả cho một tổ chức kinh tế, trong đó bao gồm 10 tỷ đồng Công ty phải trả khoản thu nhập cố định hàng tháng là từ 9% - 12%/năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong năm Công ty đã tạm trích các quỹ dự trữ này. Số liệu cuối cùng sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

15.2 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu.

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	32.870.593.036	34.863.194.808
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	1.096	1.162

16. DOANH THU KHÁC

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.282.242.746	18.466.649.368
Phí thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	3.173.293.834	3.180.481.762
Phí quản lý tài khoản vay cầm cố	1.477.385.658	777.783.936
Phí thu từ hoạt động tài trợ chứng khoán	1.062.325.143	1.279.490.016
Doanh thu khác	615.446.295	458.951.776
Tổng cộng	21.610.693.676	24.163.356.858

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	5.045.293.394	4.243.387.227
Chi phí bằng tiền	3.601.715.175	3.626.819.590
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.941.888.851	1.913.698.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.690.451.483	2.116.112.158
Chi phí hoạt động lưu ký	736.092.893	945.955.416
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	583.008.390	62.006.710
Chi phí hoạt động tư vấn	6.969.682	9.282.090
Chi phí khác	2.376.082.428	2.681.155.005
	15.981.502.296	15.598.417.050
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(8.312.591.500)	(3.644.903.790)
Tổng cộng	7.668.910.796	11.953.513.260

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	3.054.398.787	2.364.063.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	572.100.485	393.545.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	562.541.426	601.167.440
Chi phí khác	1.791.002.859	2.000.638.594
	5.980.043.557	5.359.414.925
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng khác	(2.657.665.477)	3.242.787.834
Tổng cộng	3.322.378.080	8.602.202.759

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 25% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần trước thuế	38.969.060.235	34.863.194.808
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	2.077.901.897	15.173.828.322
<i>Trừ:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(9.679.090.117)	(9.852.030.572)
- Thu nhập không chịu thuế khác	(4.205.550.912)	(3.658.842.978)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cân trừ lỗ các năm trước	27.162.321.103	36.526.149.580
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(2.896.170.674)	(36.526.149.580)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	24.266.150.429	-
Thuế TNDN ước tính theo thuế suất 25%	6.066.537.607	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	31.929.592	-
Tổng chi phí thuế TNDN	6.098.467.199	-
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(1.937.042.871)	(1.937.042.871)
Thuế TNDN phải nộp/(nộp thừa) cuối năm	4.161.424.328	(1.937.042.871)

19.2 Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 0 VNĐ (31 tháng 12 năm 2012: 2.896.170.674 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VNĐ					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31/12/2013	Số không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2013
2011	2016	<u>(29.272.160.731)</u>	<u>29.272.160.731</u>	-	-

19.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. CỔ TỨC

VNĐ

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Tăng	Giảm	
Cổ tức phải trả cho cổ đông	-	30.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000

Trong năm, Công ty đã thông báo chi trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông hiện hữu với tổng tỷ lệ là 10%.

21. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Các công ty con của tổ chức kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Bán chứng khoán	10.439.453.200
	Mua chứng khoán	4.422.199.000
	Cổ tức nhận được	2.559.175.000
	Phí tư vấn	110.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2013 VNĐ	Năm 2012 VNĐ
Lương và thưởng	2.757.461.577	1.669.700.724

Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải trả
Các công ty con của tổ chức kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cổ tức trả hộ	944.957.945

22. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang ký kết hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng chi nhánh Hà Nội tại số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đến 1 năm	1.174.773.408	313.419.744
Trên 1 đến 5 năm	4.699.093.632	940.259.232
Tổng cộng	5.873.867.040	1.253.678.976

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu và phải trả, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vì đa phần các khoản vay trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng VNĐ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 59.050.085.400 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 62.215.736.600 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng do khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ tài trợ giao dịch chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng hợp tác đầu tư.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Số cuối kỳ	Bất cứ thời điểm nào VNĐ	Đến 3 tháng VNĐ	Từ 3 - 12 tháng VNĐ	Từ 1 - 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả người bán	131.130.000	-	-	-	131.130.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	101.647.166.770	-	-	-	101.647.166.770
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	-	-	-	45.816
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	206.642.920	-	-	-	206.642.920
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.693.840.003	67.546.000.000	-	-	84.239.840.003
	118.678.825.509	67.546.000.000	-	-	186.224.825.509
Số đầu kỳ	121.130.000	-	-	-	121.130.000
Phải trả người bán	63.784.508.243	-	-	-	63.784.508.243
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	51.736	-	-	-	51.736
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	203.485.442	-	-	-	203.485.442
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	2.465.776.783	74.102.077.500	-	-	76.567.854.283
Các khoản phải trả, phải nộp khác	66.574.952.204	74.102.077.500	-	-	140.677.029.704

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới dạng hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản phải trả hộ cổ tức, các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết và các nợ phải trả tài chính khác được ước tính bằng cách tham khảo các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Cổ phiếu niêm yết	61.500.376.609	77.234.847.440			
- Cổ phiếu chưa niêm yết	8.266.507.570	7.585.843.010	59.050.085.400	62.215.736.600	
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán			4.590.795.220	4.994.550.200	
- Chứng khoán chưa niêm yết	52.484.534.600	53.261.004.600	(*)	(*)	(*)
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	-	(*)	(*)	(*)
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	10.575.808.598	8.970.448.085	10.575.808.598	8.970.448.085	
Các khoản phải thu khác	81.870.684.857	82.853.587.247	(*)	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.736.515.856	242.966.419.901	292.736.515.856	242.966.419.901	
Tổng cộng	522.434.428.090	472.872.150.283			
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	131.130.000	121.130.000	(*)	(*)	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	101.647.166.770	63.784.508.243	(*)	(*)	(*)
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	51.736	45.816	51.736	
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	206.642.920	203.485.442	206.642.920	203.485.442	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	84.239.840.003	76.567.854.283	(*)	(*)	(*)
Tổng cộng	186.224.825.509	140.677.029.704			

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Người lập:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Người phê duyệt:



Trần Thiện Thể
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

